TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-PT
Ngày: 20 - 02 -2025
V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.

Ông Huỳnh Thành Ý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 288/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng N (N2 Trong).

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: Số A B, đường N, phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc tại Hoa Kỳ: 3673 Maine Ave B, CA 91706- 5232.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1975.

+ Ông Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1996.

+ Ông Huỳnh N1, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Số A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ, (ông Đoàn Thanh S có mặt, ông Nguyễn Sỹ B, ông Huỳnh N1 vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần L1.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Yến M, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn công ty cổ phần L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và quá trình Tòa án thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/01/2008, ông Nguyễn Trọng N và công ty cổ phần L1 có ký kết 03 hợp đồng Hợp tác với nội dung ông N sẽ góp vốn cùng Công ty cổ phần L1 xây dựng công trình Khu dân cư Thương mại 34,5 ha tại phường D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang với tổng giá trị hợp đồng là 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày ký hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành đúng hạn việc góp vốn theo thỏa thuận của hợp đồng 30% vào đợt 1 ngày 20/2/2008 và 20% vào đợt 2 ngày 31/5/2008, với tổng số tiền 220.500.000 đồng tương đương 50% giá trị hợp đồng.

Theo khoản 1.2 điều 1 của Hợp đồng: "Khi bên A tiến hành làm thủ tục lập biên bản cắm ranh móc bàn giao lô nền theo quy hoạch, bên B tiếp tục góp vốn 20% giá trị lô đất", nhưng công ty cổ phần L1 không đo đạt cấm móc đúng theo hợp đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với công ty cổ phần L1 về việc lập biên bản cắm mốc và bàn giao lô nền theo quy hoạch nhưng đến nay công ty cổ phần L1 vẫn không trả lời. Theo T hông báo số 25/TBLM-2021 ngày 26/4/2021, công ty cổ phần L1 gửi cho nguyên đơn với nội dung áp đặt nguyên đơn vi phạm hợp đồng hợp tác đầu tư và phạt hợp đồng là không có cơ sở và vi phạm các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc công ty cổ phần L1 tiếp tục thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008; hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 và hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/HĐVT/BH08 ngày 29/01/2008, về việc hợp tác đầu tư góp vốn xây dựng và chuyển giao các đất nền là Hưng Gia 1 nền số 29 (HG1-29), nền số 30 (HG1-

30), nền số 31 (HGI: 31) thuộc dự án khu dân cư thương mại 34.5 ha phường D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Buộc công ty cổ phần L1 tiến hành bàn giao đất nền trên thực địa tại 03 lô đất nền theo bản đồ quy hoạch chi tiết có ký hiệu Hưng Gia nền số 29 (HG1-29), nền số 30 (HG1-30), nền số 31 (HG1-31) thuộc dự án khu dân cư thương mại 34.5 ha phường D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và các giấy tờ hồ sơ liên quan theo tiến độ hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện, không yêu cầu công ty cổ phần L1 bàn giao nền trên thực địa tại 03 lô đất nền theo bản đồ quy hoạch chi tiết có ký hiệu Hưng Gia số 29 (HG1-29), nền số 30 (HG1-30), nền số 31 (HG1-31) thuộc dự án khu dân cư thương mại 34.5 ha phường D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và các giấy tờ hồ sơ liên quan theo tiến độ hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng hợp tác và số tiền ông N đã đóng như nguyên đơn trình bày. Trong quá trình giải quyết, bị đơn có đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008; hợp đồng số 17/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008; hợp đồng số 18/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 giữa ông Nguyễn Trọng N và công ty cổ phần L1 do ông Nguyễn Trọng N vi phạm khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng. Cụ thể, do ông N không đóng đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đồng thời, công ty cổ phần L1 đồng ý trả lại tiền số tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do công ty chưa có tiền nên chưa thể trả cho phía nguyên đơn theo văn bản thỏa thuận thanh toán ngày 20/9/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng N.

2. Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008, hợp đồng hợp tác đầu tư số 17HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008, hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 giữa công ty cổ phần L1 và ông Nguyễn Trọng Nghĩa L vô hiệu.

3. Công ty cổ phần L1 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Trọng N số tiền đã góp vốn là 220.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Trọng N số tiền là 382.557.000 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Tổng số tiền công ty cổ phần L1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Trọng Nghĩa L 603.057.000 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2024, bị đơn công ty cổ phần L1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Công ty cổ phần L1 chỉ đồng ý hoàn trả số tiền mà nguyên đơn đã góp vốn cùng mức lãi suất là 10% trên tổng số tiền đã nhận được.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đoàn Thanh S và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Yến M thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008, hợp đồng hợp tác đầu tư số 17HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 và hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 giữa công ty cổ phần L1 và ông Nguyễn Trọng N; Công ty cổ phần L1 đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Trọng N số tiền đã góp vốn là 220.500.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng)* và phần tiền lãi phát sinh là 365.662.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), tổng cộng là 586.162.000 đồng *(Năm trăm tám mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tại phiên tòa các đương sự tự thỏa thuận giải quyết được toàn bộ nội dung vụ án, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn công ty cổ phần L1 kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn công ty cổ phần L1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đoàn Thanh S và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Yến M thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008; hợp đồng hợp tác đầu tư số 17HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 và hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 giữa công ty cổ phần L1 và ông Nguyễn Trọng N; Công ty cổ phần L1 đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Trọng N số tiền đã góp vốn là 220.500.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng*) và phần tiền lãi phát sinh là 365.662.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), tổng cộng là 586.162.000 đồng (*Năm trăm tám mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu công ty cổ phần L1 bàn giao nền trên thực địa tại 03 lô đất nền theo bản đồ quy hoạch chi tiết có ký hiệu Hưng Gia số 29 (HG1-29), nền số 30 (HG1-30), nền số 31 (HG1-31) thuộc dự án khu dân cư thương mại 34.5 ha phường D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và các giấy tờ hồ sơ liên quan theo tiến độ hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn trong phần quyết định của bản án là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung cho phù hợp.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn Công ty cổ phần L1 là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần L1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

1. Chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008, hợp đồng hợp tác đầu tư số 17HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 và hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/HĐVT/BH-08 ngày 29/01/2008 giữa công ty cổ phần L1 và ông Nguyễn Trọng N.

2. Công ty cổ phần L1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Trọng N số tiền đã góp vốn là 220.500.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng*) và phần tiền lãi phát sinh là 365.662.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), tổng cộng là 586.162.000 đồng (*Năm trăm tám mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công ty cổ phần L1 tiến hành bàn giao đất nền trên thực địa tại 03 lô đất nền theo bản đồ quy hoạch chi tiết có ký hiệu Hưng Gia nền số 29 (HG1-29), nền số 30 (HG1-30), nền số 31 (HG1-31) thuộc dự án khu dân cư thương mại 34.5 ha phường D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và các giấy tờ hồ sơ liên quan theo tiến độ hợp đồng đã ký kết.

4. Chi phí thẩm định và định giá: Công ty cổ phần L1 phải nộp 14.600.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trọng N đã nộp tạm ứng trước đó.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc công ty cổ phần L1 có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 27.447.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).*

5.2. Ông Nguyễn Trọng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo phiếu thu số 0000398 ngày 07/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần L1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0001059 ngày 17/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đào Thị Thủy